

Bản án số: 116/2022/HN-ST

Ngày: 17-8-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B**

**Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Từ Xuân Tiếng

2. Ông Lê Văn Cảnh

- **Thư ký phiên tòa:** bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Võ Thị Kim T, sinh năm 1986; địa chỉ: số nhà 58, ấp B, xã C, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

2. *Bị đơn:* anh Hồ Văn H, sinh năm 1994; địa chỉ: số nhà 243, ấp B, xã C, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Võ Thị Kim T trình bày:*

Chị và anh H tự nguyện kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã C (G, B) vào ngày 20/7/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại ấp B, xã C, huyện G và thường xuyên bất hòa do bất đồng quan điểm. Hai bên bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn từ khoảng tháng 01/2020 và sống ly thân từ ngày 16/5/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, mặc dù anh H có yêu cầu hàn gắn nhưng chị không đồng ý; gia đình hai bên có biết nhưng không có ý kiến khuyên giải. Hiện tại do đời sống hôn nhân không thể tiếp tục và không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Con chung là Hồ Hoàng H1, sinh ngày 06/01/2020 hiện ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có.

*\* Theo đơn từ chối tham gia tố tụng và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 01/8/2022, bị đơn anh Hồ Văn H trình bày:*

Anh đồng ý ly hôn với chị T do hai bên không còn khả năng hàn gắn. Con chung là Hồ Hoàng H1 sinh ngày 06/01/2020 hiện ở với chị T, anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, chỉ lo cho con tùy theo khả năng. Tài sản chung, nợ chung không có.

*\* Tại phiên tòa:*

Chị Võ Thị Kim T, anh Hồ Văn H vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Sau khi nhận đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo và xem xét có đủ điều kiện thụ lý, Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo đúng quy định. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Các tài liệu, chứng cứ được T thập đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng quy định. Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành các hoạt động tố tụng theo đúng quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa. Thư ký phiên tòa đã thực hiện các công việc chuẩn bị khai mạc phiên tòa và các nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định. Nguyên đơn đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn chưa tham gia đầy đủ các phiên họp, hòa giải theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc yêu cầu ly hôn với anh H, cụ thể:

+ Về hôn nhân: chị T được ly hôn với anh H.

+ Về con chung: chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Hồ Hoàng H1 sinh ngày 06/01/2020 đến khi thành niên. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con chung. Vì lợi ích của con, chị T có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản

5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: cả hai trình bày không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

*Về thủ tục:* tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:*

[1] Về hôn nhân: do chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã C (G, B) vào ngày 20/7/2017 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm nên hai bên phát sinh mâu thuẫn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và ly thân từ ngày 16/5/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai vẫn không thể hoà giải và hàn gắn. Trong quá trình tố tụng, chị T xác định hai bên bất đồng quan điểm, không có khả năng hàn gắn, giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu xét xử vắng mặt; anh H cũng thừa nhận hai bên không thể hàn gắn và đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Hồ Hoàng H1 sinh ngày 06/01/2020. Xét thấy, từ khi chị T và anh H sống ly thân cho đến nay, con chung vẫn do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định, con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, anh H cũng đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó xét yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: cả hai khai không có nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị T phải nộp số tiền là 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Kim T được ly hôn với anh Hồ Văn H.

2/- Con chung: Hồ Hoàng H1 sinh ngày 06/01/2020.

Giao Hồ Hoàng H1 sinh ngày 06/01/2020 cho chị Võ Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh Hồ Văn H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/- Tài sản chung, nợ chung: cả hai khai không có nên không xem xét.

4/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Võ Thị Kim T phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai T số 0008181 ngày 22/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, án phí sơ thẩm, chị T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B
- VKSND huyện;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã C,
- (G, B);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đặng Thị Ngọc Duyên**

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Duyên